TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **120**/2020/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 28 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 66/2020/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Người yêu cầu: Ông **Lê Minh T,** sinh năm: 1983.
Địa chỉ: xã B, huyện C, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T đồng ý thuận tình ly hôn với nhau.

Việc đăng ký kết hôn của ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 1/2007 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

[2]. Về con chung: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T xác nhận có 01 (một) con chung tên Lê Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2008. Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T thỏa thuận thống nhất giao trẻ Lê Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2008 cho ông Lê Minh T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà T cho đến khi ông T có yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Kiều T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và

Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0079245 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T và bà T đã nộp đầy đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 1/2007 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/3/2007 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T xác nhận có 01 (một) con chung tên Lê Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2008. Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T thỏa thuận thống nhất giao trẻ Lê Minh Đ (giới tính nam), sinh ngày: 20/11/2008 cho ông Lê Minh T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với bà T cho đến khi ông T có yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Kiều T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về lệ phí: ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Kiều T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0079245 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Ông T và bà T đã nộp đầy đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự.
- VKSND H. Bình Chánh.
- Chi cục THADS H. Bình Chánh.
- Cơ quan đăng ký kết hôn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Kim Định